



TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH
Số: 567./QĐ-DHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đăkđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đăkđrinh”

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH

- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt quy định lựa chọn nhà cung cấp Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, định vụ tư vấn, bảo trì các hạng mục, thiết bị để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần thủy điện Đăkđrinh;
- Căn cứ Quyết định 127/QĐ-DHC ngày 01/3/2018 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đăkđrinh về quy trình lập, phê duyệt KHSXKD;
- Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-HĐQT ngày 03/6/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đăkđrinh;
- Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-DHC ngày 12/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Đăkđrinh về việc dự toán gói thầu Mua sắm Dầu thủy lực và Dầu Diesel phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đăkđrinh và phục vụ Trung tu Nhà máy thủy điện Đăkđrinh;
- Căn cứ Tờ trình số 531/TTr-DHC ngày 12/7/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT dự toán Mua



sắm Dầu Turbin, Dầu thủy lực và Dầu Diesel phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh;

- Căn cứ Văn bản số 102/CV-HĐQT ngày 22/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về nội dung liên quan đến Tờ trình số 531/TTr-DHC ngày 12/7/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh.

Trên cơ sở đề nghị của Phòng Kinh tế Kế hoạch & Phòng Kỹ thuật An toàn tại Tờ trình ngày 23/7/2024 về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh”,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Bản chào giá gói thầu CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh” (Bản yêu cầu báo giá kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Quản đốc phân xưởng VHSC căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT(báo cáo);
- Lưu VT, KTKH, KTAT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Xuân Bình


BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu:

CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh”

Tên dự toán:

Mua sắm thường xuyên phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh

Phát hành ngày: 23 tháng 7 năm 2024

Ban hành kèm theo Quyết định số 567/QĐ-DHC ngày 23/7/2024

Bên mời thầu

Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh

GIÁM ĐỐC

Đỗ Xuân Bình

Tháng 7/2024

TỪ NGỮ VIẾT TẮT VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Bên mời thầu	Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023
Nghị định 24/CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
YCBG	Yêu cầu báo giá là những nội dung của Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu cung cấp
BG	Báo giá là những nội dung, văn bản liên quan của Nhà thầu cung cấp nhằm đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh”. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng (Mẫu 01) và Bảng giá chào hàng (Mẫu số 02) tại Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư

giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Hồ sơ của Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 tại Chương III;
3. Nhà thầu nộp bản sao (có chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.
4. Các nội dung cần thiết khác:
 - Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam;
 - Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện;
 - Dầu thủy lực xi lanh chào hàng phải ghi ký mã hiệu, xuất xứ rõ ràng.
 - Dầu thủy lực xi lanh chào hàng mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất sau năm 2023;
 - Giá chào hàng đã bao gồm: giá Dầu xilanh thủy lực, chi phí vận chuyển, thuế VAT, chi phí vận chuyển bàn giao (tại Trụ sở Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh), bảo hành và các chi phí liên quan khác đến gói thầu.
 - Về chất lượng và xuất xứ (nếu cần thiết đối với hàng nhập khẩu): Khi giao hàng nhà thầu phải cung cấp cho bên mời thầu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng C/Q các thiết bị nhập khẩu của gói thầu.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp tại Phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử về địa chỉ: Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi (ĐT: 0255.6293777, email: vanthudhc@gmail.com) *không muộn hơn 09 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 7 năm 2024.* Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của

từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải thông tin theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bằng tiền mặt nộp tại Phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh; hoặc bằng chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 89, Điều 90 và Điều 91 của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn thủy điện, PTT HYDRAULIC VG46 (hoặc tương đương)

Nhà thầu phải cung cấp Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn thủy điện, PTT HYDRAULIC VG46 (hoặc tương đương) theo đúng nội dung nêu tại bảng sau kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (thời gian thực hiện hợp đồng) và đáp ứng về số lượng, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật, bảo hành theo bảng sau đây:

ST T	TÊN HÀNG HOÁ	CHUNG LOẠI	Xuất xứ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn thủy điện, PTT HYDRAULIC VG46 (hoặc tương đương)	Dầu xi lanh thủy lực Đập tràn thủy điện	Thái Lan	Lít	3.971
TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Đơn vị đo	Đặc tính, thông số kỹ thuật	
1	Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn thủy điện, PTT HYDRAULIC VG46 (hoặc tương đương)	Tỷ trọng ở 20°C, min	—	0,8740	
		Độ nhớt ở 40°C	cSt	41-50	
		Chỉ số độ nhớt, min	—	102	
		Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, min	°C	220	
		Nhiệt độ đông đặc, max	°C	-30	
		Hàm lượng nước, max	%, thể tích	0,02	

Ghi chú:

- Nhãn hiệu, xuất xứ, Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn được nêu trong Yêu cầu báo giá chỉ để tham chiếu cho yêu cầu về kỹ thuật, Nhà thầu có thể chào với Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn tương đương hoặc cao hơn;
- Khái niệm “tương đương” nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn đã nêu.
- Địa điểm giao hàng: Trụ sở Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhà thầu phải nêu cụ thể thời gian cấp hàng của Dầu thủy lực xi lanh Đập tràn.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: CHCT1-2024 “Mua sắm Dầu thủy lực phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty CP thủy điện Đakđrinh và Trung tu Nhà máy thủy điện Đakđrinh”

Tên dự toán: Mua sắm thường xuyên phục vụ SXKD năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh

Kính gửi: Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá của Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ ngày [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Các vật tư, thiết bị điện chào thầu đảm bảo mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất sau năm

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá, cũng như các nội dung được nêu trong Dự thảo hợp đồng.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

ST T	Tên hàng hoá	Chủng loại	Thông số chính	Xuất xứ	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (Cột 6x7)	Thời gian bảo hành
1							M1	
Tổng cộng: <i>Bằng chữ:đồng (giá đã bao gồm giá hóa chất, dụng cụ, thuế VAT, chi phí vận chuyển bàn giao lắp đặt tại trụ sở Công ty cổ phần thủy điện Đakdrinh và các chi phí liên quan đến gói thầu.</i>							M=M1+ M2+... +Mn	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (3), (4), (5), (6), (7) (8) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự toán: _____ *[Ghi tên dự án/dự toán]*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* của _____ *[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____

năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (gọi tắt là “Chủ đầu tư/Bên A”):

- Đại diện : Ông Đỗ Xuân Bình
- Chức vụ : Giám đốc.
- Đại chỉ : Xã Sơn Tân - huyện Sơn Tây - tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại : 0553.868.670 Fax: 0553.868.671.
- Tài khoản : 110616775555
- Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân.
- Mã số thuế : 4300350203

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp vật tư, thiết bị điện theo danh mục được nêu chi tiết như sau :

ST T	Tên thiết bị	Chủng loại	Thông số chính	Xuất xứ	Đơn vị tính	Thời gian bảo hành
1	Thiết bị thứ 1					
2	Thiết bị thứ 2					

						
<i>n</i>	<i>Thiết bị thứ n</i>					

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục nếu có);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu ;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại vật tư, thiết bị điện và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức tạm ứng, thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.
 - b) Tạm ứng: tạm ứng 30% giá trị hợp đồng (Nhà thầu nộp bảo lãnh tiền tạm ứng)
 - c) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho nhà thầu đến 92% giá trị thiết bị được nghiệm thu hoàn thành (kể cả giá trị tạm ứng) trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu (5% giữ lại bảo hành và 3% giữ lại chờ quyết toán).
 - d) Thanh toán tiền bị giữ lại: 5% bảo hành Bên A sẽ thanh toán toàn bộ cho Bên B khi các bên ký biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành thiết bị theo quy định hoặc Bên B cung cấp cho bên A bảo lãnh bảo hành của ngân hàng được bên A chấp thuận; 3% giữ lại chờ quyết toán Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi hai bên thống nhất quyết toán và ký hồ sơ quyết toán hợp đồng.
 - e) Đồng tiền thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).
 - f) Số lần thanh toán: 01 đợt

Điều 6. Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với nội dung nêu trong bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng 03 ngày kể từ ngày Hai bên ký kết biên bản thương thảo hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng tiền mặt hoặc bằng chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10.000.000 đồng .

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày hai bên ký kết biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: trong vòng 10 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này,

Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa bàn giao phải có xuất xứ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:

- Bên bán phải đóng gói hàng hoá đảm bảo đến nơi giao nhận không hư hỏng, ẩm ướt, chầy xước, biến dạng..... và các tác động của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển, khoảng cách, cơ sở hạ tầng.... từ nơi xuất hàng đến nơi lắp đặt.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được bàn giao tại Công ty cổ phần thủy điện Đakdrinh, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- Thời gian kiểm tra, thử nghiệm: trong thời gian bàn giao hàng hóa, thiết bị.

- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm: Công ty cổ phần thủy điện Đakdrinh, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất sau năm 2019 đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa:

- Thời gian bảo hành: theo Điều 1 của hợp đồng

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành:

Thời gian chậm nhất phải có mặt để bảo hành, khắc phục sự cố kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản (kể cả fax) là 48 giờ (trừ những trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bão lụt).

Trường hợp có hỏng hóc, Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán. Nếu quá thời gian 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản, kể cả fax (trừ trường hợp bất khả kháng như bão lụt, thiên tai) mà Bên bán không có mặt và không hoàn thành việc khắc phục sự cố thì Bên mua có quyền tự sửa chữa hoặc thuê đơn vị thứ 3 sửa chữa thiết bị. Mọi chi phí sửa chữa do Bên bán chịu.

Bảo hành: Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu thiết bị để đưa vào sử dụng, Bên B phải thực hiện việc bảo hành theo Điều 1 của hợp đồng. Trường hợp, Bên A trả tiền giữ lại bảo hành cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình của ngân hàng được Bên A chấp thuận.

Trong thời gian bảo hành thiết bị Bên B phải sửa chữa mọi hư hỏng, khiếm khuyết của thiết bị bằng chi phí của Bên B

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng giải quyết. Trường hợp một bên vi phạm gây thiệt hại cho phía bên kia thì phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại đã gây ra trên cơ sở của Bộ luật dân sự Nhà nước Việt Nam ban hành làm căn cứ và thực tế giá trị thiệt hại đã xảy ra. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc sẽ được đưa ra Toà án kinh tế tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và hai bên sẽ phải tuân thủ quyết định đó. Phí trọng tài và các phí khác do bên thua kiện chịu, trừ phi có thoả thuận nào khác.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ hai Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên mua nhận được Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên bán giữ 02 bản, Bên mua giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN A)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN B)

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 02 trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____[Ghi địa chỉ của ngân hàng]⁽³⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

